TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H** **----------** Số: 44/2019/HNGĐ-ST Ngày 31/10/2019 *V/v: Ly hôn giữa anh L với chị T*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------o0o--------**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Kim Vân

2. Ông Nguyễn Hiếu Luân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 188/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2019 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 (Có mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, Thành phố H.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1998 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, Thành phố H.

Hiện trú tại: Thôn L, xã M, huyện T, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Lân trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 27 tháng 9 năm 2016, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Phương T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Tn, TP. H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi

kết hôn, anh L và chị T sống cùng với bố mẹ anh L tại thôn N, xã V, huyện T, Thành phố H. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi nhau. Anh L và chị T đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 4/2019. Do anh L không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Phương T có hai con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 13/4/2015 và cháu Nguyễn Bảo Chi L, sinh ngày 28/7/2016. Nếu ly hôn, anh L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Phương T không đến Tòa án làm việc theo giấy báo, theo các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi được ý kiến của chị T về việc giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị T cho biết do bất đồng quan điểm sống nên anh L và chị T có cãi nhau, đánh nhau. Chị T đã sống ly thân với anh L được gần một năm. Hiện, chị T đang sống cùng với vợ chồng bà ở thôn L, xã M, huyện T, Thành phố H.

Bà Nguyễn Thị L là mẹ của anh L cho biết kể từ khi kết hôn đến nay, anh L và chị T sống cùng vợ chồng ông bà tại thôn N, xã V, huyện T, TP. H. Do bất đồng quan điểm sống nên anh L và chị T thường xuyên cãi nhau và đánh nhau. Cách đây gần 1 năm chị T đã tự ý bỏ nhà đi, khi đi chị T không xin phép, không nói đi đâu và đi khoảng 2 tháng thì về thăm con một lần. Gia đình bà L và anh L có đề nghị chị T về để gia đình hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng chị T không về.

Qua xác minh, Ủy ban nhân dân xã V cung cấp: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Phương T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, H vào ngày 27/9/2016. Sau khi kết hôn, anh L và chị T sống tại N, xã V, huyện T, H. Do mâu thuẫn trong quá trình sống chung dẫn đến hai bên có cãi nhau, đánh nhau và không tự không tự hòa giải được nên anh L đã nộp đơn xin ly hôn chị T tại Tòa án nhân dân huyện T. Anh L và chị T có hai con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 13/4/2015 và cháu

Nguyễn Bảo Chi L, sinh ngày 28/7/2016. Cả hai cháu đang ở cùng anh L. Ủy ban nhân dân xã V đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị Phương T; Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 13/4/2015 và cháu Nguyễn Bảo Chi L, sinh ngày 28/7/2016 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có quyền thăm hỏi con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Anh L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, anh Nguyễn Văn L đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, vấn đề nuôi con chung sau khi ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1997, có địa chỉ tại thôn L, xã M, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn L đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Thị Phương T không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo các giấy báo của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết toàn bộ các thủ tục tố tung cho chị Nguyễn Thị Phương T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

3] Về nội dung vụ án:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Phương T đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, Thành phố H. Anh L và chị T kết hôn tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự bất đồng trong quan điểm sống giữa hai vợ chồng. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 4/2019. Tòa án tiến hành hòa giải để anh L và chị T đoàn tụ nhưng không thành do anh L cương quyết đề nghị Tòa xét xử cho anh được ly hôn và chị T không đến Tòa án làm việc và không tham gia các buổi hòa giải theo giấy báo của Tòa án.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Phương T đã trầm trọng, cả hai đã sống ly thân và anh L không còn tình cảm với chị T, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho anh Lân được ly hôn chị T là đúng pháp luật.

3.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Phương T có hai con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 13/4/2015 và cháu Nguyễn Bảo Chi L, sinh ngày 28/7/2016. Khi ly hôn, anh L có nguyện vọng nuôi cả hai cháu Nguyễn Bảo A và Nguyễn Bảo Chi L. Mặt khác, chị T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của chị T về vấn đề nuôi con chung sau khi ly hôn nên giao cháu Nguyễn Bảo A và cháu Nguyễn Bảo Chi L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo A và cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác là đúng với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu chị Nguyễn Thị Phương T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Phương T đối với cháu Nguyễn Bảo Chi L và Nguyễn Bảo A cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

3.4] Về tài sản vợ chồng: Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp.

3.6] Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Phương T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương T.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 13/4/2015 và Nguyễn Bảo Chi L, sinh ngày 28/7/2016 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo A và cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T đối với cháu Nguyễn Bảo Chi L và Nguyễn Bảo A cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T được pháp luật bảo đảm.

3. Về tài sản của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0012783 ngày 09/7/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Hòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.